

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04289** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng Anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTML0067	Huỳnh Bảo Luân	07/02/2006				8	8	6	5		5.8		6.1
2	21BTML0068	Lê Trọng Luân	29/06/2005				5	6	6	7		6.0		6.1
3	21BTML0069	Thái Hữu Luân	23/03/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
4	21BTML0070	Lê Thành Nam	08/09/1996				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
5	21BTML0071	Nguyễn Khoa Nam	13/10/2005				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
6	21BTML0072	Nguyễn Trọng Nghĩa	26/11/2004				8	8	8	8		6.5		7.1
7	21BTML0073	Đào Văn Ngoan	07/03/2006				5	6	7	5		7.0		6.5
8	21BTML0074	Hứa Thiện Nhân	20/04/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
9	21BTML0075	Nguyễn Minh Nhựt	02/09/2006				5	5	5	7		5.5		5.5
10	21BTML0076	Phạm Công Phát	26/01/2000				8	7	7	6		7.5		7.2
11	21BTML0077	Lai Minh Quân	15/10/2000				9	8	10	10		6.8		7.8
12	21BTML0078	Lương Minh Quy	04/07/2006				5	7	5	5		7.5		6.7
13	21BTML0079	Phạm Chí Sơn	27/07/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
14	21BTML0080	Nguyễn Ngọc Tân	29/12/1996				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
15	21BTML0081	Nguyễn Hữu Thắng	24/04/2003				8	8	8	7		7.3		7.5
16	21BTML0082	Nguyễn Công Thành	29/07/2006				5	5	5	5		5.0		5.0
17	21BTML0083	Nguyễn Phước Thịnh	26/08/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
18	21BTML0084	Tô Thị Cẩm Tiên	17/05/2006				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
19	21BTML0085	Nguyễn Huỳnh Tính	31/03/2005				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
20	21BTML0086	Tô Hoàng Tính	27/05/2006				5	5	5	5		5.0		5.0
21	21BTML0087	Đặng Quốc Trung	18/01/2006				8	6	5	5		5.0		5.3
22	21BTML0088	Võ Thanh Tuấn	03/05/1985				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0
23	21BTML0332	Ma Ha Mad HaFis	11/11/2005				0	0	0	0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 5 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trịnh Bửu Uyển